TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: **33**/2019/DSST
Ngày 01 – 11 – 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Trần Công Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST- DS ngày 16/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1955; Ông Nguyễn Tôn Th, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ 09, khu phố 7, thị trấn TK, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1952 (Có yêu cầu mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, khu phố 7, thị trấn TK, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị M, Nguyễn Tôn Th:

Ngày 01/02/2014 bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Tôn Th cho bà Đỗ Thị V vay 01 sợi dây chuyền 3,6 chỉ vàng 18k, quy ra tiền tại thời điểm vay là 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm ngàn đồng), hai bên do quen biết nên không làm giấy tờ, thời hạn vay chỉ có 02 tháng nhưng khi đến hạn bà V không trả được tiền. Sau nhiều lần đòi tiền không được nên ngày 26/7/2016 bà M, ông Th yêu cầu bà V viết giấy nợ và tiếp tục cam kết trả nợ trong thời hạn hai tháng. Tuy nhiên, đến nay bà V vẫn không trả số tiền đã vay.

Do vậy, bà M, ông Th khởi kiện yêu cầu bà V trả lại 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

+ Trình bày của bà Đỗ Thị V tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2019:

Ngày 26/7/2016 bà Đỗ Thị V có ký giấy vay của bà M, ông Th 01 sợi dây chuyền 3,6 chỉ vàng 18k, trị giá 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, thực tế con gái bà V là chị Trịnh Thị T, sinh năm 1990, trú tại khu phố 3, thị trấn TK, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước mới là người vay vàng của bà M, bà V chỉ ký giấy nhận nợ thay cho con gái, khi nào chị Tg gửi tiền về thì bà sẽ trả cho bà M, ông Th.

Do bà V không phải người vay mà bà M, ông Th khởi kiện bà để đòi tiền là không đúng nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

+ Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cung cấp được giấy nợ ngày 26/7/2016 và bị đơn bà Đỗ Thị V thừa nhận có ký tên trong giấy nợ, như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn cho rằng bà chỉ ký giấy nhận nợ thay con nhưng lại không chứng minh được. Tuy trong giấy nợ hai bên không thỏa thuận phương thức trả là trả bằng vàng hay tiền, nhưng giấy nợ đã tính giá trị số vàng ra thành tiền, nguyên đơn khởi kiện đòi tiền nên có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà Đỗ Thị V trả cho ông Nguyễn Tôn Th và bà Phạm Thị M số tiền 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Đỗ Thị V có nơi cư trú tại thị trấn TK, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước, căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước.

- Bà Đỗ Thị V có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Tôn Th khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị V trả lại giá trị 01 sợi dây chuyền 3,6 chỉ vàng 18k đã vay trị giá là 10.600.000đ, nguyên đơn giao nộp 01 giấy vay nợ ngày 26/7/2016 để làm căn cứ.

Bị đơn Đỗ Thị V khẳng định bà không vay tiền của bà M, ông Th mà chỉ ký xác nhận nợ thay con gái là chị Trịnh Thị Thương. Để có cơ sở làm rõ nội dung vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì được cung cấp thông tin chị Trịnh Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương khoảng 06 năm, không biết đi đâu. Tòa án có thông báo số 20/TB-TA ngày 01/10/2019 yêu cầu bà V cung cấp địa chỉ của chị Trịnh Thị T, tuy nhiên, hết thời hạn trong thông báo bà V không cung cấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2019 bị đơn Đỗ Thị V thừa nhận có ký xác nhận trong giấy nợ ngày 26/7/2016 nhưng chỉ là ký nhận nợ thay chị T; Tuy nhiên, bà V cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình và bác bỏ chứng cứ của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bà M, ông Th cho bà V vay 01 sợi dây chuyền 3,6 chỉ vàng 18k nhưng hai bên đã tính giá trị và quy ra thành tiền là 10.600.000đ và yêu cầu khởi kiện của bà M ông Th cũng chỉ đòi bà V trả lại tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà V trả cho bà M ông Th số tiền đã vay là 10.600.000đ. Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

2.2. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Từ các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Tôn Th.

Buộc bà Đỗ Thị V trả cho bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Tôn Th số tiền 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí: Bà Đỗ Thị V chịu 530.000đ (Năm trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Tôn Th không phải chịu án phí.

Trả cho Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Tôn Th 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005421 ngày 28/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Q.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Q
- Các đương sư
- CCTHADS huyện Hớn Q
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy